



QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN



Mục tiêu môn học

Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức và thực hành các nội dung được học, cụ thể:


- ❖ **Khái niệm cơ bản:** dự án, chu trình dự án và quản lý dự án, vai trò và trách nhiệm của nhà quản lý dự án;
- ❖ **Xây dựng dự án:** xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, hiểu rõ và sử dụng khung logic trong xây dựng dự án, công cụ phân tích để xây dựng dự án và xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, xác định rủi ro;
- ❖ **Quản lý dự án:** mục tiêu, phương pháp và công cụ trong lập kế hoạch, giám sát và đánh giá dự án;
- ❖ **Thực hành** xây dựng và quản lý dự án.

Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học


- ❖ *Tham dự/chuyên cần: 5%*
- ❖ *Đóng góp trên lớp (thảo luận, hỏi và đáp, tổng kết lại chương, tranh luận...): 10%*
- ❖ *Thuyết trình theo nhóm: 10%*
- ❖ *Dự án môn học: 15%*
- ❖ *Thi cuối kỳ: Bán trắc nghiệm: 60%*

Học liệu

- ❖ Phạm Văn Vận (chủ biên), 1999. Giáo trình Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội. NXB Thống kê. Hà Nội.
- ❖ Nguyễn Văn Phúc, 2008. Quản lý dự án: Cơ sở lý thuyết và thực hành. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội.
- ❖ Từ Quang Phương, 2011. Giáo trình Quản lý Dự án. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội.
- ❖ Mai Văn Bưu (chủ biên), 2008. Giáo trình Hiệu quả & Quản lý dự án Nhà nước. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội.



Chương 1: Chương trình và dự án trong hệ thống kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội



**Tại sao phải thực hiện
kế hoạch hóa phát triển
kinh tế xã hội?**

Các công cụ điều chỉnh thị trường

- ❖ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
- ❖ Luật pháp
- ❖ Chính sách kinh tế
- ❖ Các đòn bẩy kinh tế
- ❖ Lực lượng kinh tế của thị trường

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- ❖ Là một phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước
- ❖ Có nhiệm vụ:
 - Xác định mục tiêu và phương hướng phát triển kinh tế xã hội
 - Đề ra các giải pháp để thực hiện

Đặc điểm của kế hoạch phát triển KT-XH

- ❖ Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch
- ❖ Kế hoạch mang tính định hướng
- ❖ Kế hoạch có tính linh hoạt

Phân loại kế hoạch

Phạm vi cấp độ quản lý

Thời gian

Nội dung

Phương pháp

Kế hoạch vĩ mô (kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội)

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội (20 năm)

Kế hoạch tăng trưởng kinh tế

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội

Kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (10 năm)

Kế hoạch xác định cơ cấu kinh tế

Quy hoạch

Kế hoạch phát triển vùng kinh tế, địa phương

Kế hoạch 5 năm

Kế hoạch phát triển ngành

Kế hoạch 5 năm

Kế hoạch hàng năm

Chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Dự án phát triển kinh tế - xã hội

Kế hoạch hàng năm

Các khái niệm

- ❖ **Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội:** vạch ra phương hướng lớn phát triển toàn bộ nền kinh tế - xã hội trong một thời kỳ dài hạn (10-20 năm)
- ❖ **Kế hoạch 5 năm:** là công cụ triển khai chiến lược
- ❖ **Chương trình phát triển:** là phương thức vận hành kế hoạch để đưa nhiệm vụ kế hoạch vào thực tiễn, là công cụ triển khai chiến lược và kế hoạch 5 năm. Chương trình tập trung các nguồn lực hạn hẹp để giải quyết những trọng tâm của chiến lược và kế hoạch 5 năm


Các khái niệm

❖ **Dự án** là một chuỗi các hoạt động nhằm hướng đến đạt được các mục tiêu cụ thể, rõ ràng trong một thời gian nhất định với một nguồn ngân sách được xác định.

(European Commission, Project Cycle Management Guidelines, 2004).

Các khái niệm

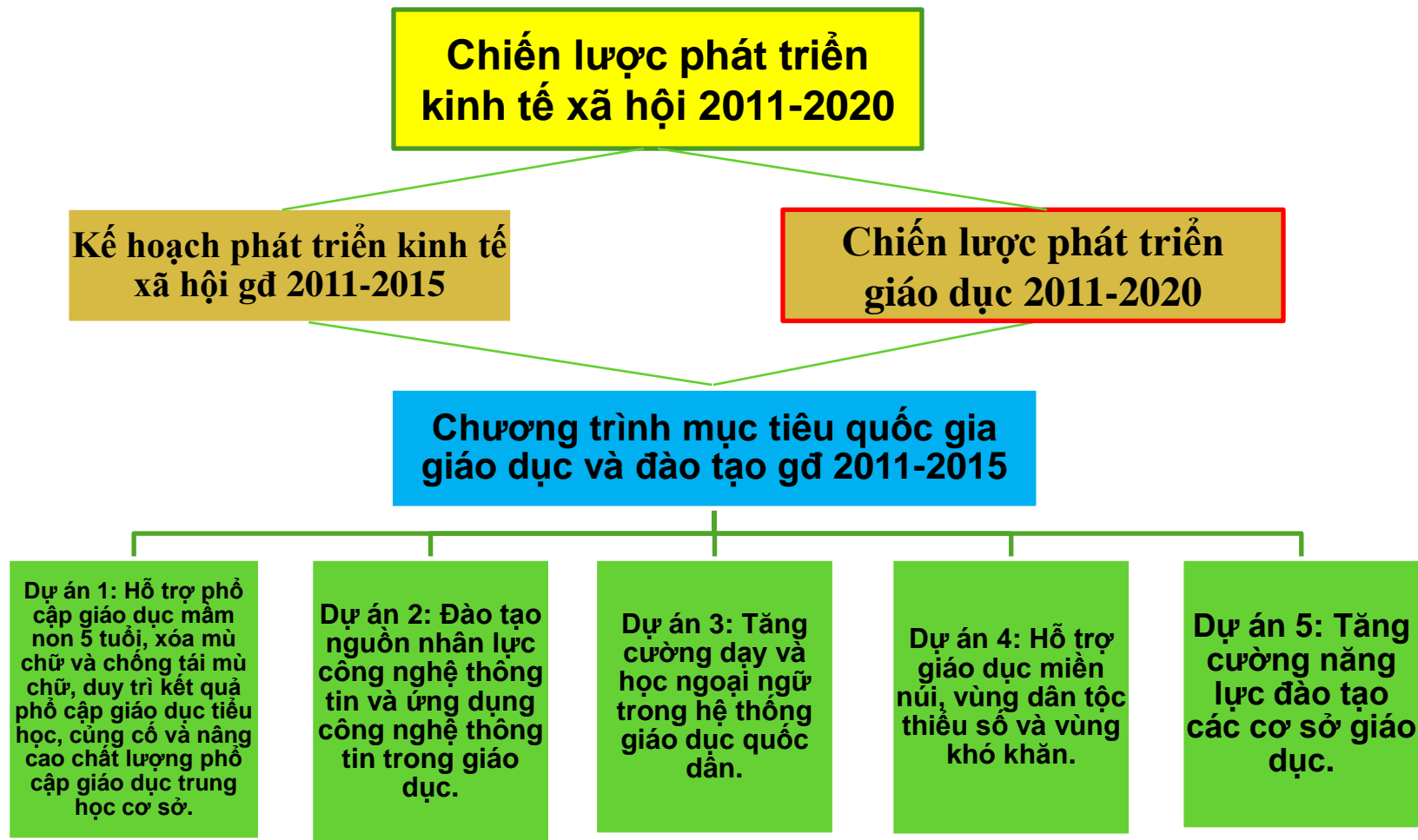
- ❖ Dự án phát triển kinh tế - xã hội được hiểu là một kế hoạch chi tiết nhằm đạt được mục tiêu cụ thể trong khuôn khổ nguồn lực nhất định và thời gian nhất định.
- ❖ Dự án là công cụ để thực hiện chương trình phát triển và kế hoạch 5 năm.

- 
- ❖ Các dự án phát triển có thể rất đa dạng về mục tiêu, quy mô, phạm vi. Các dự án nhỏ có chỉ cần một ít nguồn tài chính và được thực hiện trong vài tháng; trong khi đó các dự án lớn hơn có thể yêu cầu một nguồn tài chính nhiều hơn và thực hiện trong nhiều năm.
 - ❖ Kế hoạch hàng năm cân đối và phân bổ các nguồn lực phục vụ cho các chương trình, dự án, kế hoạch 5 năm.

Mối quan hệ giữa dự án, chương trình và chính sách quốc gia

- ❖ Các chương trình, chính sách quốc gia là định hướng lớn, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển cấp quốc gia và khu vực.
 - Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020
 - Các chương trình mục tiêu quốc gia
 - Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng
 - ...
- ❖ Để thực hiện các chương trình, chính sách quốc gia, cần có các dự án ở các cấp trung ương và địa phương như tỉnh, huyện, xã, thôn làng.

Ví dụ: Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo



Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- ❖ Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận, phương pháp luận, phương pháp cụ thể về xây dựng, thẩm định và quản lý các dự án phát triển
- ❖ Phạm vi: chương trình phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường; dự án phát triển kinh tế, xã hội, dân số, môi trường



Chương trình phát triển kinh tế xã hội

Khái niệm

- ❖ Là tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ về kinh tế, xã hội, công nghệ, môi trường, cơ chế chính sách... nhằm thực hiện một hoặc một số mục tiêu của chiến lược và kế hoạch định hướng vĩ mô trên cơ sở nguồn lực nhất định và trong khoảng thời gian nhất định.

Khái niệm (tt)

- ❖ Chương trình là một loại kế hoạch trung/dài hạn, tổng hợp, được thực hiện trên phạm vi không gian rộng lớn, thời gian dài, nguồn lực lớn, nhằm đạt được những mục tiêu kinh tế xã hội của vùng, ngành hoặc cả nền kinh tế - xã hội.
- ❖ Chương trình gồm các mục tiêu, chính sách, thủ tục, quy tắc, nhiệm vụ, các bước phải tiến hành, các nguồn lực cần sử dụng và các yếu tố cần thiết khác.

Đặc điểm

- ❖ Tính mục tiêu
- ❖ Tính đồng bộ
- ❖ Tính hiệu quả
- ❖ Tính tổ chức

Phân loại

Phạm vi hoạt động

Thời gian

Mục tiêu

Chương trình liên quốc gia

Chương trình dài hạn (10 năm)

Chương trình phát triển kinh tế

Chương trình quốc gia

Chương trình trung hạn (5 năm)

Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo

Chương trình liên ngành, liên vùng

Chương trình ngắn hạn

Chương trình tổng hợp

Chương trình phát triển ngành, phát triển vùng

Nội dung cơ bản

- ❖ Cơ sở pháp lý
- ❖ Đánh giá thực trạng, sự cần thiết phải thực hiện chương trình
- ❖ Mục tiêu của chương trình: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chỉ tiêu
- ❖ Thời gian, phạm vi, quy mô, địa điểm thực hiện
- ❖ Nội dung, hoạt động
- ❖ Dự kiến sản phẩm đầu ra, đối tượng thụ hưởng
- ❖ Nguồn lực
- ❖ Giải pháp thực hiện
- ❖ Hiệu quả kinh tế - xã hội
- ❖ Hệ thống và cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá, thu thập thông tin, báo cáo
- ❖ Khả năng lồng ghép chương trình
- ❖ Cụ thể hóa chương trình bằng các dự án phát triển
- ❖ Tổ chức thực hiện

Xây dựng chương trình

- ❖ Bước 1: Xác định vấn đề đưa vào chương trình
 - Vấn đề gì?
 - Cấp bách, cần được tập trung giải quyết
 - Mục tiêu rõ ràng, nằm trong chiến lược/kế hoạch 5 năm
 - Thời gian giải quyết
 - Có cần phải giải quyết vấn đề bằng 1 chương trình phát triển không?
 - Giao nhiệm vụ phải thực hiện
 - Dùng chính sách vĩ mô, vi mô
 - Dùng pháp luật để cưỡng chế thi hành
 - Giải pháp thị trường
 - Động viên, khuyến khích...

Xây dựng chương trình

❖ Bước 2: Xây dựng khung logic

Xây dựng chương trình bằng khung logic

- ❖ Khung logic là một công cụ phân tích, trình bày và quản lý giúp các cán bộ thực hiện giám sát, các nhà hoạch định và nhà quản lý thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - Phân tích thực trạng trong quá trình chuẩn bị;
 - Xây dựng lịch trình logic cho các hoạt động để đạt được kết quả đầu tư;
 - Xác định các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng tới việc đạt được các kết quả bền vững;
 - Thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá các sản phẩm đầu ra và kết quả đầu tư;
 - Giám sát và đánh giá dự án trong quá trình thực hiện.
- ❖ Khung logic được coi như một công cụ lập kế hoạch, thực hiện và giám sát và đánh giá các hoạt động. Do đó, khung logic đôi khi còn được gọi là Ma trận thiết kế chương trình/dự án.

Trình tự xây dựng khung logic

	Mô tả tóm tắt	Các chỉ số có thể đo lường	Các phương tiện kiểm chứng	Các giả định cơ bản
Mục đích	Bắt đầu		Kết thúc	
Mục tiêu				
Kết quả				
Đầu ra				
Hoạt động				
Đầu vào				

Giải thích từ ngữ

- ❖ **MỤC TIÊU:** Phát biểu chung về những gì mong muốn đạt được từ những hoạt động của Chương trình/dự án.
- ❖ **CHỈ TIÊU:** Là một thành phần cụ thể phải đạt được để thực hiện mục tiêu. Chỉ tiêu là một cụ thể hóa của mục tiêu, được biểu thị bằng con số, thời điểm và địa điểm mà các con số đó được thực hiện và đạt được. Chỉ tiêu xác định mức độ kỳ vọng của Chương trình/dự án hoặc một chính sách cụ thể.
- ❖ **CHỈ SỐ:** Biến số cho ta một cơ sở đơn giản và đáng tin cậy để xác định sự thay đổi trong quá trình thực hiện hoặc hoàn thành Chương trình/dự án. Chỉ số có thể là biến số định tính hoặc định lượng cho ta các phương tiện đơn giản để đo lường kết quả của các hoạt động, phản ánh được các thay đổi liên quan tới một biện pháp can thiệp (hoặc một hoạt động đầu tư). Chỉ số có thể được chia thành các chỉ số hoạt động, đầu ra, kết quả, và tác động.

Giải thích từ ngữ

- ❖ **ĐẦU VÀO:** Là các nguồn lực, các điều kiện vật chất được sử dụng để triển khai thực hiện Chương trình/dự án. Đầu vào có thể là kinh phí, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực được sử dụng để triển khai thực hiện Chương trình/dự án.
- ❖ **ĐẦU RA:** Sản phẩm vật chất, dịch vụ hay một hoàn cảnh trực tiếp do Chương trình/dự án tạo ra. Là sản phẩm của đầu vào hoặc thứ chúng ta sản xuất, làm được nhờ có đầu vào. Đó là các sản phẩm hữu hình hoặc các dịch vụ được cung cấp nhờ các hoạt động. Đầu ra là các thứ hữu hình và có thể đếm được.
- ❖ **HOẠT ĐỘNG:** Hành động hoặc công việc được chúng ta tiến hành trong một Chương trình/dự án nhằm biến đổi ĐẦU VÀO thành ĐẦU RA.
- ❖ **KẾT QUẢ:** Kết quả là những sự thay đổi hành vi nhờ vào các đầu ra của Chương trình/dự án. Kết quả có thể được gia tăng, giảm đi, tăng cường, hoặc duy trì.

Giải thích từ ngữ

- ❖ **GIẢ ĐỊNH:** Những điều kiện quan trọng liên quan tới thành công của một Chương trình/dự án (bao gồm cả các rủi ro) mà không thuộc phạm vi kiểm soát của Chương trình/dự án.
- ❖ **CÁC PHƯƠNG TIỆN KIỂM CHỨNG:** Các nguồn dữ liệu, các công cụ và kỹ năng thu thập dữ liệu được sử dụng để đo lường các chỉ số được lựa chọn nhằm giám sát – đánh giá một chương trình/dự án. Các chỉ số này có thể được kiểm chứng một cách khách quan.

Tính logic

- ❖ Logic theo chiều dọc xác định những gì dự án định làm (mô tả tóm tắt), các mối quan hệ nhân quả, và những giả định quan trọng cũng như các rủi ro nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà quản lý.
- ❖ Logic theo chiều ngang xác định phương pháp đo lường các mục tiêu cụ thể của dự án thành phần đã được mô tả tóm tắt (các chỉ số có thể kiểm chứng được) và các phương tiện kiểm chứng.
- ❖ Logic theo chiều dọc được nối với nhau bởi các giả định, thứ tự như sau:
 - Nếu có các hoạt động và các giả định liên quan thì sẽ có các đầu ra
 - Nếu có các đầu ra và các giả định liên quan thì sẽ có các kết quả
 - Nếu có các kết quả và các giả định liên quan thì sẽ đạt được các mục tiêu.

Trình tự xây dựng khung logic

- ❖ **Mô tả tóm tắt:** đi từ mục đích xuống đầu vào, điền các thông tin có trong Báo cáo nghiên cứu khả thi hay Tài liệu thiết kế dự án;
- ❖ **Các giả định:** đi từ đầu vào đến mục tiêu, giải thích các rủi ro cần phải kiểm soát và các điều kiện cần thiết đảm bảo cho dự án đầu tư được thực hiện.
- ❖ **Các chỉ số:** đi từ mục đích xuống đầu vào, giải thích nên sử dụng dấu hiệu thay đổi nào để đo lường tiến độ và mức độ thực hiện.
- ❖ **Các phương tiện kiểm chứng:** đi từ đầu vào đến mục đích, tóm tắt nguồn và cách thức thu thập dữ liệu. Trả lời các câu hỏi “Đo lường cái gì?” và “Đo lường như thế nào?”

Xây dựng chương trình

- ❖ Bước 3: Xác định hiệu quả kinh tế - xã hội của chương trình
 - $NVA = O - I$
(Net value added = Output – Input)
 - Phân tích tối thiểu hóa chi phí

Thẩm định chương trình

- ❖ Đánh giá tính phù hợp của mục tiêu
- ❖ Phạm vi, đối tượng thụ hưởng, thời gian, tiến độ thực hiện
- ❖ Nguồn lực
- ❖ Các giải pháp, cơ chế chính sách thực hiện
- ❖ Thẩm định hiệu quả kinh tế xã hội
- ❖ Tính hợp lý và hợp pháp của phương thức tổ chức thực hiện

Quản lý chương trình

- ❖ Hình thành chương trình
- ❖ Xây dựng chương trình
- ❖ Thẩm định chương trình
- ❖ Triển khai thực hiện chương trình
- ❖ Đánh giá kết thúc chương trình

Các chương trình kinh tế - xã hội ở VN

- ❖ Giai đoạn 1986 – 1990: 3 chương trình quốc gia
- ❖ Giai đoạn 1991 – 1995: 11 chương trình quốc gia
- ❖ Giai đoạn 1998 – 2000: 7 chương trình mục tiêu quốc gia
- ❖ Giai đoạn 2001 – 2005: 6 chương trình mục tiêu quốc gia
- ❖ Giai đoạn 2006 – 2010: 11 chương trình mục tiêu quốc gia
- ❖ Giai đoạn 2011 – 2015: 15 chương trình mục tiêu quốc gia

Các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011-2015

Quyết định số 2331/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20 tháng 12 năm 2010 về việc ban hành danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011

- CTMTQG Việc làm
- CTMTQG Giảm nghèo
- CTMTQG Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
- CTMTQG Y tế
- CTMTQG Dân số và Kế hoạch hóa gia đình
- CTMTQG Vệ sinh an toàn thực phẩm
- CTMTQG Văn hóa
- CTMTQG Giáo dục và đào tạo
- CTMTQG Phòng, chống ma túy
- CTMTQG Phòng, chống tội phạm
- CTMTQG Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
- CTMTQG Ứng phó với biến đổi khí hậu
- CTMTQG Xây dựng nông thôn mới
- CTMTQG Phòng, chống HIV/AIDS
- CTMTQG Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo

Các chương trình quốc gia khác

- ❖ Chương trình 135: Phát triển kinh tế - xã hội ở 2.235 xã đặc biệt khó khăn
- ❖ Chương trình 5 triệu ha rừng: chia làm 3 giai đoạn từ 1998-2010
- ❖ Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015
- ❖ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến 2020
- ❖ Chương trình Thương hiệu quốc gia
- ❖ Chương trình Quốc gia khống chế bệnh Lở mồm long móng (LMLM) ở gia súc giai đoạn 2011-2015
- ❖ ...




Dự án và chu kỳ dự án

Khái niệm

- ❖ **Dự án** là một chuỗi các hoạt động nhằm hướng đến đạt được các mục tiêu cụ thể, rõ ràng trong một thời gian nhất định với một nguồn ngân sách được xác định.

(European Commission, Project Cycle Management Guidelines, 2004).

- 
- ❖ Về hình thức: dự án là 1 tập hồ sơ tài liệu trình bày chi tiết và có hệ thống 1 dự kiến đầu tư trong tương lai
 - ❖ Về nội dung: dự án là 1 ý đồ tiến hành công việc nào đó nhằm đạt được mục tiêu xác định trong khuôn khổ nguồn lực nhất định và khoảng thời gian nhất định
 - ❖ Về kế hoạch: Dự án là 1 kế hoạch chi tiết, là đơn vị kế hoạch nhỏ nhất trong hệ thống kế hoạch hóa

Vai trò

- ❖ Dự án phát triển là công cụ để triển khai kế hoạch 5 năm/chương trình phát triển
- ❖ Là phương tiện để gắn kế hoạch với thị trường
- ❖ Góp phần giải quyết các thất bại của thị trường
- ❖ Góp phần cải thiện đời sống dân cư và bộ mặt kinh tế xã hội của từng địa phương và cả nước.

Đặc điểm

- ❖ Tính thống nhất
- ❖ Tính xác định
- ❖ Tính logic
 - Mục tiêu phát triển
 - Mục tiêu trực tiếp
 - Kết quả
 - Đầu ra
 - Hoạt động
 - Đầu vào

Phân loại

❖ Theo tính chất dự án

- Dự án sản xuất kinh doanh
- Dự án phát triển kinh tế xã hội
- Dự án nhân đạo
- ...

❖ Theo nguồn vốn đầu tư:

- Dự án đầu tư bằng nguồn vốn trong nước
- Dự án FDI
- Dự án ODA
- ...


Phân loại (tt)

- ❖ Theo ngành, lĩnh vực đầu tư: công nghiệp, nông nghiệp, giáo dục, y tế, giao thông vận tải,...
- ❖ Theo thời gian: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn
- ❖ Theo quy mô: lớn, vừa, nhỏ
- ❖ Theo phân cấp quản lý: nhóm A, nhóm B, nhóm C (xem phân loại dự án đầu tư xây dựng công trình ban hành kèm theo *Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ*)

STT	LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
I	Dự án quan trọng quốc gia	Theo Nghị quyết số 66/2006/QH11 của Quốc hội
I	Nhóm A	
1	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: thuộc lĩnh vực bảo vệ an ninh, quốc phòng có tính chất bảo mật quốc gia, có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng.	Không kể mức vốn
2	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: sản xuất chất độc hại, chất nổ; hạ tầng khu công nghiệp	Không kể mức vốn
3	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: công nghiệp điện, khai thác dầu khí, hoá chất, phân bón, chế tạo máy, xi măng, luyện kim, khai thác chế biến khoáng sản, các dự án giao thông (cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ), xây dựng khu nhà ở.	Trên 1.500 tỷ đồng
4	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: thủy lợi, giao thông (khác ở điểm I - 3), cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật điện, sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, tin học, hoá dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí khác, sản xuất vật liệu, bưu chính, viễn thông.	Trên 1.000 tỷ đồng
5	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: công nghiệp nhẹ, sành sứ, thủy tinh, in, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản.	Trên 700 tỷ đồng
6	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: y tế, văn hoá, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng khác (trừ xây dựng khu nhà ở), kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác.	Trên 500 tỷ đồng
II	Nhóm B	
1	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: công nghiệp điện, khai thác dầu khí, hoá chất, phân bón, chế tạo máy, xi măng, luyện kim, khai thác chế biến khoáng sản, các dự án giao thông (cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ), xây dựng khu nhà ở.	Từ 75 đến 1.500 tỷ đồng
2	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: thủy lợi, giao thông (khác ở điểm II - 1), cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật điện, sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, tin học, hoá dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí khác, sản xuất vật liệu, bưu chính, viễn thông.	Từ 50 đến 1.000 tỷ đồng
3	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới, công nghiệp nhẹ, sành sứ, thủy tinh, in, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản.	Từ 40 đến 700 tỷ đồng
4	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: y tế, văn hoá, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng khác (trừ xây dựng khu nhà ở), kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác.	Từ 30 đến 500 tỷ đồng
III	Nhóm C	
1	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: công nghiệp điện, khai thác dầu khí, hoá chất, phân bón, chế tạo máy, xi măng, luyện kim, khai thác chế biến khoáng sản, các dự án giao thông (cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ). Các trường hợp phổ thông nằm trong quy hoạch (không kể mức vốn), xây dựng khu nhà ở.	Dưới 75 tỷ đồng
2	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: thủy lợi, giao thông (khác ở điểm III - 1), cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật điện, sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, tin học, hoá dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí khác, sản xuất vật liệu, bưu chính, viễn thông.	Dưới 50 tỷ đồng
3	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: công nghiệp nhẹ, sành sứ, thủy tinh, in, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản.	Dưới 40 tỷ đồng
4	Các dự án đầu tư xây dựng công trình: y tế, văn hoá, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng khác (trừ xây dựng khu nhà ở), kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác.	Dưới 30 tỷ đồng

Khái niệm quản lý dự án

❖ **Quản lý dự án** là ngành khoa học nghiên cứu về việc lập kế hoạch, tổ chức và quản lý, giám sát quá trình phát triển của dự án nhằm đảm bảo cho dự án hoàn thành đúng thời gian, trong phạm vi ngân sách đã được duyệt, đảm bảo chất lượng, đạt được mục tiêu cụ thể của dự án và các mục đích đề ra.



❖ Thách thức chính của quản lý dự án là phải đạt được tất cả các mục tiêu đề ra của dự án trong điều kiện bị khống chế bởi phạm vi công việc (khối lượng và các yêu cầu kỹ thuật), thời gian hoàn thành (tiến độ thực hiện) và ngân sách (mức vốn đầu tư) cho phép.

Các chức năng chính của quản lý dự án

- ❖ Chức năng lập kế hoạch, bao gồm việc xác định mục tiêu, công việc và dự tính nguồn lực cần thiết để thực hiện dự án;
- ❖ Chức năng tổ chức, tiến hành phân phối nguồn lực gồm tiền, lao động, trang thiết bị, việc điều phối và quản lý thời gian;
- ❖ Chức năng kiểm soát, là quá trình theo dõi kiểm tra tiến độ dự án, phân tích tình hình thực hiện, tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp giải quyết các khó khăn trong quá trình thực hiện dự án;
- ❖ Chức năng phối hợp hay “quản lý điều hành dự án”

Quản lý chu trình dự án

